TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST-DS	*Bù Gia Mập, ngày 27 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 06/3/2020, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết V**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Đăk L, xã Đ Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phí Ngọc M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố 1, phường Thác M, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985, ông **Trần Văn T**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Bù X, xã Đ Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn T đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền gốc vay 200.000.000 đồng và số tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng.

2.2 Về thời hạn trả: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn T đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 220.000.000 đồng theo thời hạn như sau: Bắt đầu từ tháng 6/2020 đến hết tháng 2/2024, vào ngày 20 hàng tháng, bà H ông T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền 220.000.000 đồng.

Trường hợp bà H, ông T vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào như đã thỏa thuận thì bà V được quyền yêu cầu thi hành án trước hạn đối với toàn bộ số tiền chưa trả.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Vào ngày 05/6/2020 bà V có nghĩa vụ trả lại cho bà H, ông T bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BV 891999.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng bà H, ông T đồng ý nộp toàn bộ.

Trả lại bà V số tiền tạm ứng án phí 5.600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019181 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ly